

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA SINH THÁI HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN HUYÊN*

Tóm tắt: Quá trình phát triển, tiến bộ của loài người luôn diễn ra trong mâu thuẫn: một mặt, con người cải tạo thiên nhiên, phục vụ cho mục đích của mình; mặt khác, việc khai thác thiên nhiên lại làm mất cân bằng sinh thái, vi phạm quy luật hài hòa vũ trụ; hệ quả là thiên nhiên trả thù lại con người. Việc khắc phục mâu thuẫn nêu trên không thể chỉ bằng chính sách, kỹ thuật, sức mạnh vật chất, mà phải có văn hóa sinh thái. Bài viết nêu lên những vấn đề văn hóa sinh thái cơ bản đó là: kết hợp nguyên lý về sự thống nhất thế giới với mục tiêu tồn tại và phát triển của loài người; bảo đảm hài hòa giữa lịch sử phát triển xã hội với lịch sử tiến hóa sinh thái; thực hiện sự đồng tiến hóa giữa con người và thiên nhiên; tự cân bằng bên trong của hệ sinh thái; v.v..

Từ khóa: Sinh thái, văn hóa sinh thái, hài hòa vũ trụ, cân bằng sinh thái.

Nếu như văn hóa là thế giới người, là tất cả những giá trị xã hội do con người tạo nên để phục vụ cho tiến bộ xã hội, thì văn hóa sinh thái là toàn bộ những giá trị văn hóa - xã hội được thể hiện trong thái độ đối xử, trong hành vi tác động và cải biến thiên nhiên nhằm tạo ra môi trường sống phù hợp, đáp ứng nhu cầu sống lành mạnh, phát triển và tiến bộ của con người. Giá trị văn hóa sinh thái là toàn bộ những giá trị do loài người sáng tạo ra và xây dựng nên trong quá trình con người sống, hoạt động và phát triển trong thế giới tự nhiên - trong hệ sinh thái. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên luôn phấn đấu vươn tới vị thế làm chủ muôn loài. Để sống và phát triển, con người vừa dựa vào thiên nhiên, vừa lợi dụng thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên.

Văn hóa sinh thái của con người thể hiện rõ rệt hơn ở ý thức và thái độ của con người trong quá trình lợi dụng và cải biến giới tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của mình. Sự hiểu biết về thế giới tự nhiên, về hệ sinh thái với những quy luật tồn tại và vận động của nó mới chỉ thể hiện trình độ nhận thức có tính nền tảng của văn hóa sinh thái. Nắm được bản chất của sinh thái để cải biến sinh thái trên cơ sở nguyên tắc tồn tại và vận hành của sinh thái, đó mới thật sự là biểu hiện đặc thù của văn hóa sinh thái. Sự lợi dụng, cải biến, cải tạo giới tự nhiên trong khuôn khổ, trong ngưỡng duy trì sự tồn tại và phát triển của thế

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

giới tự nhiên vừa đem lại điều kiện ngày càng tốt hơn cho cuộc sống và sự phát triển xã hội loài người, vừa bảo đảm sự ổn định và cân bằng sinh thái trong tính cộng sinh của nó - đó mới thật sự là hành vi thể hiện trình độ văn hóa sinh thái cao.

Trong khi trí tuệ của loài người (trình độ văn minh) đã lý giải sâu sắc rằng, vũ trụ là một thể thống nhất, thiên nhiên và con người là hòa hợp nhưng trong hành vi cụ thể, con người lại bất chấp tính thống nhất và nguyên lý hòa hợp (trình độ văn hóa), vi phạm quy luật thống nhất và hòa hợp của giới tự nhiên, và cuối cùng phải chịu hậu quả về sự trừng phạt nặng nề của thiên nhiên.

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, với nhãn quan văn hóa sinh thái sâu sắc, Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo loài người: "Chúng ta hoàn toàn không thể thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên là... nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"⁽¹⁾.

Trong thời đại chúng ta, từ rất lâu nhiều nhà khoa học đã cảnh báo và lên án những hành vi thiếu văn hóa của con người đối với sinh thái. Các nước phát triển có nền khoa học tiên tiến đã nhìn

ra vấn đề thách thức sinh thái từ nhiều thập niên trước. Nhưng mãi đến năm 1972, Liên Hợp Quốc mới chính thức tổ chức Hội nghị đầu tiên về vấn đề môi trường và con người tại Xtốckhôm (Thụy Điển); năm 1992 Hội nghị về môi trường và phát triển tại được tổ chức tại Riô Đê Gianerô (Braxin) và 10 năm sau (tháng 8-2002) tại Giôhanexboc (Nam Phi) đã diễn ra Hội nghị về phát triển lâu bền của hành tinh. Trong khoảng thời gian 30 năm đó, nhiều công ước quốc tế về môi trường đã ra đời; nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam, cũng diễn ra không ít những cuộc hội nghị về môi trường - sinh thái, về hiệu ứng nhà kính, về những vấn đề suy thoái rừng, biển, nước, về chất thải công nghiệp, động vật quý hiếm... Đó thực chất là sự quan tâm của thế giới về vấn đề văn hóa môi trường - văn hóa sinh thái. Bởi, như trên đã nói, sự phục hồi và sự cân bằng sinh thái bằng các biện pháp ngăn chặn những nguyên nhân gây ra những tai họa sinh thái có thực hiện được hay không là những vấn đề nằm ở tầng nhân văn, ở quan niệm, sự đối xử và hành động có tính văn hóa đối với hệ sinh thái của cả loài người. Mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện phát triển lâu bền hành tinh và loài người do Liên Hợp Quốc đưa ra có thực hiện được hay không; điều đó phụ thuộc vào chỗ mỗi quốc gia, từng tập đoàn người,

⁽¹⁾ C.Mác, Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 655.

mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt là các nước công nghiệp phát triển - những nơi hiện đang can thiệp thô bạo và vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tồn tại cân bằng sinh thái - có thật sự xuất phát từ sự tồn vong, sự phát triển và tương lai của loài người mà có thái độ và hành vi đối xử một cách có văn hóa đối với sinh thái hay không.

Những vấn đề văn hóa sinh thái rõ ràng là những vấn đề hệ trọng; chúng vừa có tầm bao quát, vừa có chiều sâu xã hội rất phức tạp. Có vấn đề dường như nghịch lý và mâu thuẫn luôn đặt ra cho chúng ta nhiều điều phải suy nghĩ, đối phó và giải quyết. Trong thực trạng hiện nay, một số vấn đề sinh thái lớn và bức xúc đang đặt ra mà từ góc nhìn văn hóa cần tập trung nghiên cứu, đối phó và tìm cách giải quyết là:

Thứ nhất, sự thống nhất thế giới và mục tiêu tồn tại, phát triển của loài người. Đây là vấn đề hệ trọng đặt ra đối với văn hóa sinh thái. Một mặt, con người là bộ phận của giới tự nhiên, nằm trong một chỉnh thể thống nhất không tách rời, nó phải sống hòa với thiên nhiên; song về mặt xã hội thì con người là chủ thể của thiên nhiên, thực hiện mục đích riêng của mình. Vì vậy, quan điểm văn hóa sinh thái bao quát tính nhân loại và thời đại là phải xuất phát từ sự tồn tại của con người và đi đến mục đích cuối cùng là phát triển và tiến bộ của loài người. Con người là bộ phận của thiên nhiên, nhưng nó không chịu đứng ngang hàng với thiên nhiên mà là

một bộ phận siêu việt của thiên nhiên, là một chủ thể trí tuệ đầy ý chí và văn hóa. Con người có cuộc sống xã hội cao hơn thiên nhiên, phải thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình là cải tạo thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên nhưng phải nắm quy luật thiên nhiên để chinh phục thiên nhiên phục vụ cho những mục đích và lý tưởng cao đẹp của mình. Không phải do thiên nhiên trả thù quyết liệt mà con người từ bỏ vai trò chủ thể trung tâm của mình.

Mặt khác, do thiên nhiên và con người là một thể thống nhất, nên trong cải tạo, chinh phục thiên nhiên, con người không thể tuyệt đối hóa vai trò trung tâm của mình. Mọi hành động của con người vì bất kỳ mục đích gì cũng phải bảo đảm tính thống nhất vũ trụ. Từ tầm nhìn nhân văn này, dù lợi dụng giới tự nhiên để mưu cầu phát triển cuộc sống, con người vẫn phải luôn có ý thức chung sống, gắn bó máu thịt với thế giới thiên nhiên để giữ vững sự hài hòa; nuôi dưỡng giới tự nhiên, bảo vệ môi trường thiên nhiên, giữ gìn tính thống nhất sinh thái là một nhiệm vụ và mục tiêu bất di bất dịch. Khi đã coi sinh thái là cái nôi của sự sống loài người thì sự nhận thức đúng đắn và có văn hóa với sinh thái phải là vì sự tồn tại, ổn định của sinh thái, xem đó là điều kiện cho sự tồn tại, sự ổn định và phát triển của chính con người. Việc "rút ruột" thế giới tự nhiên - dù là phục vụ cho nhu cầu chân chính của cuộc sống mà dẫn tới vi phạm sự sống của thiên nhiên - là sự đối lập với

nguyên lý tính thống nhất con người và thiên nhiên. Đó không chỉ là hành vi thiếu nhân đạo và phi văn hóa, mà còn là hành vi tự sát của loài người. Sự thống nhất của hội nghị về phát triển bền vững, phát triển kinh tế - xã hội đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái tại Giôhanexboc năm 2002 chứng tỏ một thái độ nhân đạo và văn hóa sinh thái cao của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, ở đó cũng còn một vài quan điểm, dù là thiếu sót, thiếu ý thức văn hóa sinh thái của một vài cường quốc - nơi vi phạm nhiều nhất quy luật sinh thái - phản đối chủ trương bảo vệ cân bằng sinh thái. Một quan niệm và một ý thức văn hóa sinh thái đầy tính khoa học và nhân văn của Tổng thống Nam Phi - ông T. Mobekey - trở thành tiếng nói chung của loài người tiến bộ: quả đất là ngôi nhà chung của loài người, tất cả chúng ta phải nâng niu, phải chung sức bảo vệ sự trong sạch và phát triển bền vững cho nó⁽²⁾. Quan niệm văn hóa sinh thái đúng đắn và cơ bản đó sẽ là nền tảng cho việc xác định những nội dung cơ bản của những suy nghĩ và hành động văn hóa sinh thái nhân loại hiện nay.

Thứ hai, sự phát triển xã hội loài người và sự tiến hóa sinh thái. Suốt lịch sử tồn tại và phát triển của mình, cùng với việc dựa vào giới tự nhiên để tồn tại, loài người luôn cải biến, cải tạo và sáng tạo ra thế giới của mình - thế giới văn hóa. Từ khía cạnh này, con người sáng tạo ra thiên nhiên, nhân hóa thiên nhiên,

văn hóa hóa thiên nhiên. Con người cải tạo thiên nhiên để tạo ra một môi trường và điều kiện sống phù hợp hơn với cuộc sống của mình. Gỗ quý, đá quý trong thiên nhiên là vật liệu cho sự sáng tạo ra những lâu đài tráng lệ, trang hoàng cho cuộc sống của con người. Những cánh rừng hoang sơ được cải biến thành những làng mạc, thành phố, công viên - nơi thể hiện đời sống văn minh, nơi giao lưu văn hóa tinh thần và vật chất muôn màu, muôn vẻ của xã hội. Những thác nước hùng vĩ được lợi dụng để tạo ra những nguồn năng lượng cho việc thắp sáng và vận hành công nghệ, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đất đai tự nhiên được bón thêm chất dinh dưỡng, đem lại những vụ mùa bội thu. Những kim loại đồng, sắt, vàng, bạc, đá quý, kim cương... được con người chế biến thành những vật dụng quý báu, sang trọng, làm đẹp cuộc sống. Vậy là, quá trình nâng cao cuộc sống loài người đã văn hóa hóa thiên nhiên không chỉ ở các sản phẩm vật chất mà ở cả các giá trị tinh thần, trong đó quan trọng là cách thức và phương thức sống tự nhiên được nâng lên, cách sống và phương thức sống có chất người với trình độ người ngày càng cao. Ở đây thiên nhiên được nhân hóa, nâng cao cùng chiều với tiến bộ xã hội, vì nó nằm trong sự kết hợp hài hòa, sự gợi mở, sự đưa đẩy và cộng sinh của

⁽²⁾ Lời phát biểu của tổng thống Nam Phi T. Mobekey trong Hội nghị phát triển bền vững của các nguyên thủ quốc gia trên thế giới tổ chức ở Giôhanexboc-Nam Phi, ngày 2/9/2002.

thiên nhiên với con người. Đây là một thế giới văn hóa sinh thái đẹp, đầy chất nhân văn. Phương diện này thể hiện trình độ và khả năng văn hóa hóa sinh thái ưu việt và tuyệt đối của con người.

Nhưng, mặt khác chúng ta cũng dễ nhận thấy rằng, trong suốt lịch sử phát triển của mình, các hoạt động của con người dường như đều đối lập với thế giới môi sinh. Việc phát rừng làm nương rẫy, chặt cây lấy gỗ, giết thú rừng làm thức ăn, sử dụng nguồn nước cho sinh hoạt và công nghệ, dùng các chất hóa học diệt trừ sâu bệnh..., tất cả đều là những hành vi phủ định thiên nhiên, triệt tiêu sự sống của các vật thể và sinh thể của giới tự nhiên. Khi dân số tăng lên nhanh chóng thì nhu cầu sống ngày càng nâng cao, khát vọng của con người ngày càng đa dạng. Khi trí tuệ con người lớn mạnh đủ sức thực hiện những ham muốn dường như vô tận của con người thì sự lợi dụng thiên nhiên càng nhiều, sự tàn phá thiên nhiên càng tăng, ngày càng mâu thuẫn gay gắt với chính thế giới tự nhiên. Và lúc này, hành vi cải tạo thiên nhiên từ chỗ là hành vi văn hóa đã trở thành hành vi phản văn hóa sinh thái. Việc khai hoang, đốt rừng, chăn thả gia súc bừa bãi đã phá hoại thảm thực vật; việc đánh cá và các loại động vật quá mức sinh sản đã dẫn đến tuyệt giống nhiều loài; nguồn nước cạn kiệt và ô nhiễm đã làm chết thực - động vật, hại đến sức khỏe con người; sự khai thác tài nguyên khoáng sản đã làm biến đổi các chu trình địa hóa. Cách mạng khoa học -

kỹ thuật tuy dẫn đến phát triển lực lượng sản xuất, làm giàu cho xã hội, nhưng cũng chứa nhiều hành vi gây tổn thương lớn đối với môi trường thiên nhiên, làm mất cân bằng tài nguyên khoáng sản, phá vỡ tính ổn định và cân bằng sinh thái.

Mục tiêu phát triển lực lượng sản xuất tối đa phục vụ cho việc không ngừng nâng cao đời sống xã hội của con người là chính đáng. Nhưng, phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) các lĩnh vực xã hội một cách thiếu tính toán, khai thác, vay mượn quá mức tái sinh nguồn lực thiên nhiên đã làm cho mâu thuẫn giữa phát triển xã hội và bảo tồn cân bằng sinh thái ngày càng tăng lên. Đó là vấn đề lớn đặt ra cho văn hóa sinh thái. Sự kết hợp văn minh với văn hóa, điều chỉnh việc công nghiệp hóa một cách hợp lý, trong ngưỡng của sự tồn tại và phát triển giới tự nhiên sẽ là điều mà con người cần làm để giải quyết nghịch lý và mâu thuẫn nêu trên.

Thứ ba, sự đồng tiến hóa giữa con người và sinh thái. Đồng tiến hóa giữa con người và thiên nhiên là quan niệm hợp lý có tính tổng quát và cơ bản của văn hóa sinh thái trong việc giải quyết những mâu thuẫn và nghịch lý của quá trình phát triển xã hội và thiên nhiên. Đây chính là quan điểm về khả năng lựa chọn tổng hợp, chứ không phải là những dự báo riêng rẽ, cục bộ, tình thế.

Con người là bộ phận, là tế bào của giới tự nhiên, tồn tại và phát triển như

một tế bào máu thịt của vũ trụ. Do đó, mỗi hơi thở, mỗi nhịp sống của con người phải hòa với hơi thở và nhịp sống của vũ trụ. Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người phải dựa vào nguồn sống ở thế giới tự nhiên giống như các bộ phận của một cơ thể cung cấp máu, ô-xy, nước, dinh dưỡng, ... cho tất cả các bộ phận trong toàn cơ thể tồn tại. Vì vậy, việc khai thác, sử dụng các nguồn tự nhiên không thể theo kiểu triệt tiêu đối tượng, mà phải theo nguyên tắc vừa lấy của thiên nhiên, vừa kích thích chúng phát triển theo hướng tiến hóa tự nhiên của chúng; hơn nữa, phải tạo ra sự chung sống hài hòa cho các yếu tố dựa vào nhau để tồn tại và phát triển. Khai thác rừng phải kết hợp với trồng rừng; chất thải công nghiệp chuyển thành sản phẩm tái tạo; việc đánh bắt cá phải tính tới khả năng sinh sản bù đắp; sử dụng không khí, nguồn nước trên cơ sở tái sinh ra khí và nước. Đối với một cơ thể, việc điều tiết hợp lý các nguồn cung cấp năng lượng của cơ thể sẽ giữ được sự ổn định và cân bằng cơ thể, bảo đảm được sự sống và sự phát triển. Quan hệ giữa con người và thiên nhiên cũng vậy; con người phải nhận thức tính tất yếu đồng tiến hóa của mình với giới tự nhiên. Đó là dựa vào thiên nhiên, khai thác thiên nhiên trong ngưỡng cho phép. Trong hoạt động sống, đặc biệt là sự nghiệp phát triển lực lượng sản xuất, CNH và HĐH các lĩnh vực của xã hội, con người phải luôn có ý thức bảo tồn các yếu tố tạo ra khả năng tự tồn tại, tự phát triển

và bảo đảm các yếu tố, các bộ phận trong toàn hệ sinh thái, làm tiền đề và điều kiện cho nhau cùng tồn tại và phát triển. Không vì lòng tham hay một sự khinh suất nào đó mà bất chấp điều kiện tồn tại và phát triển của một bộ phận, một yếu tố tự nhiên nào. Nói như vậy không có nghĩa rằng, con người sống theo chủ nghĩa vô vi, thụ động, hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên. Trước sự trừng phạt của thiên nhiên, nhiều người lên án hành vi cải tạo thiên nhiên, cho rằng quan điểm cải tạo thiên nhiên là sai lầm và ảo tưởng. Quan điểm đồng tiến hóa không phải như vậy, thực tế là loài người đã cải tạo thiên nhiên, làm đẹp thiên nhiên, tạo ra bao cảnh thiên nhiên, nâng cao chất lượng sống của con người. Điều quyết định đặt ra ở đây là, loài người hãy điều chỉnh và tự kiểm chế các nhu cầu tiêu thụ của mình. Nói đúng hơn là, con người hãy thỏa mãn các nhu cầu của mình một cách hợp lý trong khuôn khổ cùng tồn tại và tiến hóa môi sinh. Sự thương thức thịt các loài động vật quý hiếm không phải do nhu cầu dinh dưỡng mà đôi khi là do thị hiếu và lối sống xa xỉ lợi ít hại nhiều, vì điều đó làm tuyệt chủng động vật, ảnh hưởng đa dạng sinh học. Việc sử dụng nguồn nước sạch cần được điều tiết bởi ý thức tiết kiệm và cần có công nghệ tái sinh đặc biệt, cần điều chỉnh những khát vọng chiếm hữu vật chất thái quá vượt quá ngưỡng của sự tồn tại tự nhiên cho phép theo quy luật đồng tiến hóa.

Thứ tư, ý thức và hành vi thực hiện

nội cân bằng, bảo đảm sự tự cân bằng bên trong của sinh thái. Nội cân bằng phải được quan niệm như phạm trù trung tâm của văn hóa sinh thái học tổng thể. Mô hình hệ sinh thái được Eugene P. Odum và Howard đưa ra như một hệ thống cân bằng vật chất và năng lượng, và nó vận động như một dòng chảy của năng lượng. Hệ thống này cân bằng khi sự tích trữ năng lượng và điều hòa năng lượng theo quy luật vận động của các cấp bậc trong hệ sinh thái⁽³⁾. Trật tự cấu trúc sinh thái gồm: lớp cá thể, lớp quần thể, lớp quần xã, hệ sinh thái, quần xã sinh vật, sinh quyển. Điều đó có nghĩa là, các lớp sinh thái phải tồn tại trong trạng thái tự cân bằng giữa chúng. Trong thực tế, sự tuyệt diệt loài khủng long lại là cơ hội cho sự xuất hiện loài gặm nhấm; loài cá voi giảm do con người săn bắt làm tăng lượng tôm Krill; việc ngăn dòng sông làm thủy điện một cách không hợp lý sẽ ảnh hưởng đến dòng chảy, gây lụt lội các vùng khác; v.v.. Trong giới tự nhiên luôn tạo ra dòng tuần hoàn nước, các-bon, không khí... Sự tuyệt diệu và sự tái tạo các thực thể mới, các năng lượng mới trong thiên nhiên liên tục diễn ra, tạo thế cân bằng bên trong của chính nó. Sự đồng tiến hóa con người - thiên nhiên chỉ có được trong thế ổn định và cân bằng của toàn chính thể giới tự nhiên. Nhưng, sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học - công nghệ, quá trình CNH, HĐH với những can thiệp bất hợp lý đối với thiên nhiên trong những thế kỷ qua đã là

một trong những nguyên nhân chính làm mất ổn định và cân bằng sinh thái. Trình độ khoa học - công nghệ, CNH, HĐH mỗi quốc gia diễn ra ở những trình độ khác nhau; những vùng sinh thái ở các quốc gia CNH, HĐH mạnh và có lịch sử lâu đời thường là những nơi can thiệp và vi phạm mạnh nhất quy luật tiến hóa của sinh thái. Do vậy, vấn đề ở đây phụ thuộc rất lớn vào ý thức và hành vi bảo tồn sự ổn định và cân bằng sinh thái tổng thể của mỗi quốc gia trên khắp địa cầu.

Ý thức và hành vi khai thác những gì ở giới tự nhiên cũng như phương thức khai thác ra sao là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giải quyết sự mất cân bằng sinh thái. Sự quy tụ các thành viên quốc gia trên thế giới để xác định việc hạn chế lĩnh vực tác động này, tăng cường khai thác lĩnh vực kia theo nguyên tắc cân đối, hài hòa sẽ lập nên một chương trình rộng lớn và bao quát cân bằng sinh thái. Chẳng hạn, trong công nghiệp, cần hạn chế sự nhiễm bụi công nghiệp, làm trong lành không khí và bảo vệ tầng ô-zôn. Chiến lược giảm sự tăng khí CO₂ bằng cách sản xuất các năng lượng nhân tạo sẽ giảm sự biến đổi lớn về khí hậu và sự nung nóng trái đất. Công nghệ chế biến phục vụ lợi nhuận kinh tế, văn hóa ẩm thực thỏa mãn những thú vui của con người có thể điều chỉnh sự săn bắt thú rừng, động vật quý

⁽³⁾ Steve Pollock (2000), *Sinh thái*, Tủ sách kiến thức thế hệ mới, tập 1, Hà Nội, tr. 11.

hiếm và các nguồn thủy sản trong sóng biển, hạn chế khả năng tuyệt diệt các động vật và thực vật quý hiếm. Trình độ khai thác chất màu của đất, cách thức canh tác nông nghiệp có tính toán hợp lý các mặt thổ nhưỡng, thủy văn, khí hậu sẽ hạn chế, thậm chí không gây tổn hại đến môi trường. Phương thức tái sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình công nghệ không có phế thải, có tính khép kín; đặc biệt việc sử dụng các nguồn năng lượng thay thế như năng lượng mặt trời, năng lượng nước, năng lượng gió...; điều đó vừa thực hiện được nhu cầu nâng cao chất lượng sống, vừa không ảnh hưởng tới chất lượng môi trường. Hình thành và tăng cường phát triển một nền công nghiệp sạch trong cả công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, giao thông... sẽ là phương án khả quan bảo đảm nội cân bằng môi trường sinh thái. Những phương sách này có thể xuất hiện từ trong ý thức và tiềm năng văn hóa sinh thái của loài người, và chỉ xuất hiện khi những chủ thể thống nhất hành động như những chủ thể văn hóa có ý thức, trách nhiệm và trình độ về phát triển bền vững vì tương lai của loài người.

Thứ năm, xã hội tiêu thụ và kinh tế dịch vụ tăng cường. Xu hướng phát triển xã hội trong tương lai là tăng cường tiêu thụ và dịch vụ. Xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp có khả năng thỏa mãn cao các nhu cầu ngày càng tăng với các điều kiện sống đa hình, đa dạng của con người. Điều đó mở ra muôn màu muôn

về các hình thức dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội tiêu thụ, từ đời sống, sản xuất, học tập cho đến sinh hoạt, vui chơi, giải trí. Các nhà kinh tế học đã tính toán và dự báo sự đầu tư nguyên vật liệu tự nhiên cho công nghiệp dịch vụ hiện nay là rất lớn: xăng dầu, chất đốt cho các loại giao thông và sưởi ấm; kim loại, đá quý, hương liệu cho trang trí nội thất, cho cảnh quan du lịch, cho trang phục; thực vật, động vật cho ẩm thực trở thành vật quý hiếm do con người tiêu thụ ngày càng nhiều; v.v.. Trữ lượng khoáng sản, nhiên liệu đốt nóng, thực vật, động vật, lương thực ngày càng cạn kiệt do tiêu thụ quá sức tự tái tạo của thiên nhiên và của con người. Công nghiệp khai thác, du lịch và tái tạo thiên nhiên làm nên những cảnh quan thiên nhiên mới từ biển, núi rừng, hang động, cho đến những dòng sông, bãi tắm nhân tạo... theo yêu cầu của văn hóa du lịch. Các công việc đó một mặt tạo ra cảnh quan văn hóa mới, mặt khác hủy hoại thiên nhiên; quang cảnh sông, địa lý, đất đai, sông ngòi, nguồn nước, khí hậu...; hang động tự nhiên bị đập phá, đẽo gọt làm biến dạng, ảnh hưởng tới nơi ở của thú rừng, chim muông; nguồn nước bị xăng dầu của tàu thuyền du lịch làm nhiễm bẩn, ảnh hưởng tới nguồn cá, tôm, sò, ốc; cây cối bị chặt do thiếu ý thức bảo vệ thực vật. Đặc biệt, ở những nước nghèo, văn hóa sinh thái thấp thì tình trạng vi phạm sự sống sinh thái, nhất là ô nhiễm môi trường, phá hoại cảnh quan

thiên nhiên là phổ biến. Ở những nơi du lịch mà kinh tế lạc hậu, con người còn thiếu ý thức sinh thái thì các tệ nạn mất vệ sinh càng tăng lên. Công nghiệp dầu mỏ và than đá thỏa mãn tốt những nhu cầu và phương tiện sinh hoạt cho con người, song cũng là nơi thải ra nhiều chất độc hại, nhất là những chất độc khó phân hủy trong môi trường sống. Những cuộc vui văn hóa ẩm thực đã giết chết biết bao loài động vật quý hiếm như cá voi, sư tử biển, hươu, nai, cây hương, rùa, ba ba... Đó là chưa kể tới sự ô nhiễm sinh thái nhân văn do công nghiệp dịch vụ đem lại như ma túy, mại dâm, làm tổn hại môi trường xã hội và sức khỏe cộng đồng.

Một mặt, xã hội càng văn minh thì nhu cầu văn hóa dịch vụ càng nâng cao và đa dạng như là điều kiện phát triển con người. Nhưng, mặt trái do văn hóa dịch vụ đem lại cũng gây ra các tác hại vô cùng to lớn. Đây là một nghịch lý của văn hóa sinh thái. Văn hóa du lịch trong điều kiện toàn cầu hóa làm cho những vấn đề nêu trên không chỉ hạn hẹp trong các nước nghèo mà trở thành vấn đề toàn cầu. Giải quyết mâu thuẫn này cũng phải bằng nỗ lực toàn cầu, trong đó liên hợp quốc có vai trò đặc biệt: tạo điều kiện nâng cao văn hóa sinh thái cho người dân ở các nước nghèo ngay trong điều kiện kinh tế - xã hội còn thấp bằng mục tiêu trước tiên là nâng cao mức sống và dân trí của con người.

Thứ sáu, văn hóa sinh thái ở những

nước nông nghiệp lạc hậu. Trình độ văn hóa nói chung, văn hóa sinh thái nói riêng, của mỗi quốc gia bao giờ cũng phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, do đó những vấn đề văn hóa sinh thái phức tạp hay đơn giản cũng có điều kiện sống quy định. Những vấn đề văn hóa sinh thái nêu trên là những vấn đề bức xúc của các nước nông nghiệp nghèo, vì nền kinh tế của các nước này gắn bó nhiều hơn với điều kiện tự nhiên, mang nhiều tính khai thác tự nhiên núi rừng, đồng ruộng, sông suối, gắn liền với động vật hoang dã và các nguồn nguyên liệu trong lòng đất, bóc lột tự nhiên là cơ bản.

Đặc điểm rõ rệt của những nước nông nghiệp nghèo là hoạt động kinh tế nông nghiệp thường chiếm tỷ trọng 70 - 80%. Do vậy, vấn đề sinh thái cũng chủ yếu xảy ra ở lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Ý thức sinh thái rừng của nhân dân ở đây còn thấp. Việc khai thác nguồn rừng cho sự sống chưa có văn hóa là phổ biến; phá rừng làm rẫy tràn lan, nạn bắt thú rừng làm thức ăn là thường xuyên. Hiện tại, có những bộ lạc sống bằng nguồn thú rừng qua săn bắt là chủ yếu. Ở các nước nông nghiệp, trồng lúa và các hoa màu là chính. Các loại phân hóa học như u-rê, phốt phát, kali... một mặt tăng dưỡng chất cho cây trồng, nhưng mặt khác làm giảm độ xốp, làm cho đất trở nên chai lỳ. Các loại thuốc trừ sâu bệnh không chỉ diệt côn trùng phá hoại hoa màu, triệt tiêu các loại côn trùng

có hại cho lúa, mà còn diệt cả cá, tôm, cua, ếch, lươn..., làm cho thảm thực vật cả động vật trở nên nghèo nàn; việc dùng nhiều xăng dầu chạy máy nông nghiệp làm ô nhiễm nguồn nước, gây tác hại tới cả cây trồng, tôm cá, vật nuôi.

Những vấn đề nêu trên không chỉ được giải quyết bằng sự điều chỉnh của hoạt động khoa học, kỹ thuật, công nghệ, mà điều quan trọng hơn phải được giải quyết bằng văn hóa sinh thái. Trình độ khoa học - công nghệ phục vụ nông nghiệp có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế cây trồng, vật nuôi, môi trường thiên nhiên và môi trường sống của nhân dân. Nhưng thiếu văn hóa sinh thái thì không thể giải quyết được những vấn đề sinh thái. Người nông dân chủ yếu chỉ quan tâm đến việc phát triển cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Người ta không quan tâm đến việc làm thế nào để vừa có kết quả kinh tế, vừa bảo đảm môi trường sinh thái. Lối sống tiểu nông với các phong tục, tập quán lạc hậu, thiếu tổ chức kỷ luật sinh thái, tầm nhìn hạn hẹp, chỉ thấy lợi trước mắt, không thấy hại lâu dài cũng là nguyên nhân làm tổn hại sinh thái.

Giáo dục ý thức sinh thái, trách nhiệm sinh thái và xây dựng pháp luật sinh thái; nếp sống văn hóa sinh thái toàn dân sẽ là công cụ đối xử, hành động bảo vệ sinh thái một cách đúng đắn ở tầm quốc tế, là trách nhiệm và giải pháp hữu hiệu trong việc bảo vệ ngôi

nhà chung - hành tinh xanh, sạch, đẹp của chúng ta.

Xây dựng một hệ thống các giá trị đạo đức, văn hóa thẩm mỹ, văn hóa pháp luật có tính toàn cầu đối với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, làm cho mọi quốc gia, mọi người hiểu và đánh giá đúng vai trò của các giá trị văn hóa, đó là yếu tố quyết định thái độ và hành vi ứng xử của con người đối với môi trường và xã hội. Từ việc đề cao và quý trọng giá trị con người, xác định rõ mục đích sống vì lợi ích của cả cộng đồng, các quốc gia cần có các chương trình giáo dục toàn dân ý thức, nghĩa vụ, trách nhiệm sâu sắc về phát triển bền vững để họ biết sử dụng đúng mức, đúng cách mọi nguồn năng lượng thiên nhiên, biết ứng xử và khai thác chúng thật sự có văn hóa, biết bảo vệ môi trường thiên nhiên, giữ vững một hệ sinh thái cân bằng bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, *Báo cáo hiện trạng Môi trường Việt Nam hàng năm: 1998, 1999, 2000, 2002, 2004.*
2. Steven Pollock (2000), *Tủ sách Kiến thức thế hệ mới, tập 1, phần 1: Về khái niệm Sinh thái, Hệ sinh thái*, Mai Thế Trung (dịch), Hà Nội.
3. *Lời phát biểu của Tổng thống Nam Phi T. Mbeki*, Hội nghị về Phát triển bền vững, tổ chức tại Giohannesborc, Nam Phi, tháng 9/2002.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

